TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN SƠN TRÀ – TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 258/2019/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 15 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 238/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Phạm Phú T - Sinh năm: 1954 và bà Đặng Thị B - Sinh năm: 1954. Cùng trú tại địa chỉ: Tổ M, phường Nại Hiên Đ, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục: Đơn yêu cầu của Ông Phạm Phú T và bà Đặng Thị B nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Phạm Phú T và bà Đặng Thị B kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 30/quyển số 1992 tại UBND phường Nại Hiên Đ ngày 30/5/1992. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

***Tại phiên hòa giải Ông Phạm Phú T trình bày ý kiến:**

Tôi và bà Đặng Thị B có đăng ký kết hôn vào năm 1992 tại UBND phường Nại Hiên Đ, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng cảm thấy không còn hợp nhau, thường xuyên

cãi vã. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải, vợ chồng nhiều lần hàn gắng nhưng vẫn không có kết quả. Chúng tôi sống ly thân từ năm 1994 đến nay. Nay tôi xác định không còn yêu thương bà Đặng Thị B nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn với bà Đặng Thị B.

***Ý kiến của bà Đặng Thị B:**

Bà B thống nhất như lời trình bày của Ông Phạm Phú T về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như nơi ở sau khi kết hôn. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng cảm thấy không còn hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải, vợ chồng nhiều lần hàn gắng nhưng vẫn không có kết quả. Chúng tôi sống ly thân từ năm 1994 đến nay. Nay tôi xác định không còn yêu thương Ông Phạm Phú T nữa nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận thuận tình ly hôn với Ông Phạm Phú T.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của Ông Phạm Phú T và bà Đặng Thị B thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông T và Bà B lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông T và Bà B đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông T và Bà B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của Ông Phạm Phú T và bà Đặng Thị B là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Ông Phạm Phú T và bà Đặng Thị B có 05 con chung là Phạm Phú V (SN 1983), Phạm Thị N (SN 1984), Phạm Thị Q (SN 1986), Phạm Thị Bích P (SN 1989) và Phạm Thị Bích N (SN 1994). Các con đều đã trưởng thành nên ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, vợ chồng Ông Phạm Phú T và bà Đặng Thị B khai không có nợ chung.

[6] Về tài sản chung: Ông Phạm Phú T và bà Đặng Thị B xác định không có tài sản chung.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* Ông Phạm Phú T và bà Đặng Thị B thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng *(một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0008183 ngày 03.10.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 10 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày thụ lý, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn Ông Phạm Phú T và bà Đặng Thị B *(Giấy chứng nhận kết hôn số 30/quyển số 1992, UBND phường Nại Hiên Đ ngày 30/5/1992 không còn giá trị pháp lý)*.

- Về nuôi con chung: Ông Phạm Phú T và bà Đặng Thị B có 05 con chung là Phạm Phú V (SN 1983), Phạm Thị N (SN 1984), Phạm Thị Q (SN 1986), Phạm Thị Bích P (SN 1989) và Phạm Thị Bích N (SN 1994). Các con đều đã trưởng thành nên ông bà không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng Ông Phạm Phú T và bà Đặng Thị B khai không có nợ chung.

- Về tài sản chung: Ông Phạm Phú T và bà Đặng Thị B xác định không có tài sản chung.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* Ông Phạm Phú T và bà Đặng Thị B thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng *(một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0008183 ngày 03.10.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Sơn Trà;
- UBND phường Nại Hiên Đ, q.Sơn Trà, Tp.Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đã Ký

DƯƠNG THỊ KIM NHUNG